

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 110/TTr-TNMT ngày 15/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH H-One Vina, địa chỉ trụ sở chính tại Lô CN-07 (Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Wonjin Vina), Khu công nghiệp Vân Trung, Phường Vân Trung, Thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở đầu tư “Thành lập Công ty TNHH H-One Vina” tại Lô CN-07 (Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Wonjin Vina), KCN Vân Trung, Thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở đầu tư

1.1. Tên cơ sở: “Thành lập Công ty TNHH H-One Vina”

1.2. Chủ cơ sở: Công ty TNHH H-One Vina

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô CN-07 (Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Wonjin Vina), KCN Vân Trung, Thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp: 2400808606 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 13/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/02/2024.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 9841025448 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 09/01/2017, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 25/4/2023.

1.5. Mã số thuế: 2400808606

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Gia công tạo hình bề mặt kim loại của các linh kiện và phụ kiện của điện thoại di động, máy ảnh kỹ thuật số, máy tính bằng hệ thống CNC, chi tiết: Gia công tạo hình nút nguồn, nút điều khiển trung tâm (central home key), nút âm lượng, thiết bị gắn camera, thiết bị tai nghe, gờ và khe cắm trên bản mạch, cổng usb điện thoại, gờ lắp sim.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Cơ sở thực hiện tại Lô CN-07 (*Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Wonjin Vina*), KCN Vân Trung, Thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích nhà xưởng thuê 1.858 m².

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo quy định pháp luật về đầu tư công); thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường công suất lớn.

- Công suất sản xuất của cơ sở: Gia công tạo hình bề mặt kim loại của các linh kiện và phụ kiện của điện thoại di động, máy ảnh kỹ thuật số, máy tính bằng hệ thống CNC, chi tiết: Gia công tạo hình nút nguồn, nút điều khiển trung tâm (central home key), nút âm lượng, thiết bị gắn camera, thiết bị tai nghe, gờ và khe cắm trên bản mạch, cổng usb điện thoại, gờ lắp sim: 20.000.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH H-One Vina được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH H-One Vina có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH H-One Vina có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND thị xã Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND thị xã Việt Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Thành lập Công ty TNHH H-One Vina” và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Công ty TNHH Fugiang, UBND thị xã Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Thành lập Công ty TNHH H-One Vina” tại Lô CN-07 (Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Wonjin Vina), KCN Vân Trung, Thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH H-One Vina được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định 95/QĐ-TNMT ngày 23/01/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH H-One Vina được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty TNHH Fugiang, UBND thị xã Việt Yên, Công ty TNHH H-One Vina và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, KTN Việt Anh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Cơ sở không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của cơ sở được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày đêm của Công ty TNHH Wonjin Vina (đơn vị cho thuê xưởng) xây dựng và quản lý vận hành đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (Theo biên bản thỏa thuận v/v thỏa thuận trách nhiệm thực hiện báo cáo ĐTM dự án 'WONJIN VINA' giữa Công ty TNHH Wonjin Vina và các vender ký ngày 28/01/2021) trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Vân Trung, thị xã Việt Yên do Công ty TNHH Fugiang làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Vân Trung xây dựng và quản lý vận hành (Theo hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải tại khu công nghiệp Vân Trung giữa Công ty TNHH Wonjin Vina và Công ty TNHH Fugiang số 015/HDXLNT-VT/2015 ngày 26 tháng 05 năm 2015) để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó xả thải ra môi trường, cơ sở không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Nước thải sản xuất: Không phát sinh

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh của cơ sở được xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 11m³ (2,5mx2,4mx1,84m) sau đó chảy qua đường ống PVC D150, I=0,5% có chiều dài khoảng 130m để đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20m³/ngày đêm của Công ty TNHH Wonjin Vina xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Vân Trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt của cơ sở sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại => Sàng lược rác tinh => Bể điều hòa => Bể thiếu khí => Bể hiếu khí => Bể lắng => Bể

lọc trọng lực => Bể chứa nước + khử trùng => Nước thải sau xử lý (đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ xử lý sinh học hiếu khí
- Công suất thiết kế: 20m³/ngày đêm.
- Hóa chất sử dụng:
 - + NaOCl: 20kg/tháng
 - + Methanol: 20 lít/tháng

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi xảy ra sự cố đối với hệ thống thu gom, thoát nước thải:

Do Công ty TNHH Wonjin Vina chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hoạt động của hệ thống xử lý nước thải công suất 20m³/ngày đêm. Công ty TNHH Wonjin Vina phối hợp theo dõi, giám sát hoạt động của hệ thống.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn khí thải phát sinh từ hoạt động của máy CNC.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải: 04 dòng khí thải

- Dòng số 1: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải số 01 (xử lý khí thải từ xưởng CNC số 1) được thải ra môi trường qua ống khói số 1.

- Dòng số 2: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải số 02 (xử lý khí thải từ xưởng CNC số 1) được thải ra môi trường qua ống khói số 2.

- Dòng số 3: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải số 03 (xử lý khí thải từ xưởng CNC số 2) được thải ra môi trường qua ống khói số 3.

- Dòng số 4: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải số 04 (xử lý khí thải từ xưởng CNC số 2) được thải ra môi trường qua ống khói số 4.

2.1. Vị trí xả khí thải: 04 vị trí (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0).

- Vị trí xả khí thải số 01: Tại ống thoát khí thải số 01 sau hệ thống xử lý khí thải xưởng CNC số 1. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2350012; Y = 410301.

- Vị trí xả khí thải số 02: Tại ống thoát khí thải số 02 sau hệ thống xử lý khí thải xưởng CNC số 1. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2350012; Y = 410305.

- Vị trí xả khí thải số 03: Tại ống thoát khí thải số 03 sau hệ thống xử lý khí thải xưởng CNC số 2. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2350020; Y = 410342.

- Vị trí xả khí thải số 04: Tại ống thoát khí thải số 04 sau hệ thống xử lý khí thải xưởng CNC số 2. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2350024; Y = 410349.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 20.000 m³/giờ tương đương 160.000 m³/ngày (thời gian làm việc tối đa 08 giờ/ngày), cụ thể:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 5.000 m³/giờ tương đương với 40.000 m³/ngày.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 5.000 m³/giờ tương đương với 40.000 m³/ngày.

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 5.000 m³/giờ tương đương với 40.000 m³/ngày.

- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 5.000 m³/giờ tương đương với 40.000 m³/ngày.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (tối đa 08 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra ngoài môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ*) cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)	Tần suất quan trắc
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Theo khoản 3, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải định kỳ.
2	SO ₂	mg/Nm ³	500	
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850	
4	CO	mg/Nm ³	1.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

* Hệ thống xử lý khí thải số 1, số 2 (Tại xưởng số 01 gồm 78 máy CNC):

- Dòng khí thải phát sinh từ quá trình CNC tại xưởng số 1 được thu gom bằng các đường ống có kích thước D110; L=1,5m (Mỗi máy CNC ứng với 01 đường ống thu gom), sau đó đầu nối vào đường ống thu gom chung D300-D500 có tổng chiều dài L = 155m. Tiếp đó, nhờ lực hút của quạt hút để dẫn bụi, khí thải về 02 tủ xử lý bụi, khí thải. Tủ xử lý bụi, khí thải 1 và 2 giống nhau cụ thể: mỗi tủ có kích thước 1,2m x 1m x 0,7m với lớp vật liệu hấp phụ là 24 lõi lọc. Mỗi lõi lọc có kích thước Ø10cm, dài 70cm. Bụi, khí thải sau khi được xử lý đảm bảo quy định được thoát ra ngoài ống khói cao 2m.

* Hệ thống xử lý khí thải số 3, số 4 (Tại xưởng số 02 gồm 66 máy CNC):

- Dòng khí thải phát sinh từ quá trình CNC tại xưởng số 2 được thu gom bằng các đường ống có kích thước D110; L=1,5m (Mỗi máy CNC ứng với 1 đường ống thu gom), sau đó đầu nối vào đường ống dẫn D300-D500 có tổng chiều dài L = 154m. Tiếp đó, nhờ lực hút của quạt hút để dẫn bụi, khí thải về 02 tủ xử lý bụi, khí thải. Tủ xử lý bụi, khí thải 1 và 2 giống nhau cụ thể: mỗi tủ có kích thước 690mm x 690mm x 700mm với lớp vật liệu hấp phụ là 18 lõi lọc (mỗi lõi lọc có

kích thước Ø15,5cm, dài 50cm). Bụi, khí thải sau khi được xử lý đảm bảo quy định được thoát ra ngoài ống khói cao 2m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- 04 hệ thống xử lý khí thải của cơ sở với quy trình, công nghệ xử lý giống nhau, được tóm tắt như sau: Khí thải → Ống thu gom riêng từng máy CNC → Hệ thống ống thu gom chung → Tủ xử lý (quạt hút, lõi lọc) → Ống thoát khí → Ống khói thải ra môi trường. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế của 04 hệ thống xử lý khí thải 5.000 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho 04 hệ thống xử lý khí thải: Lõi lọc khoảng 168 lõi lọc/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

* Biện pháp phòng ngừa:

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình. Định kỳ thay thế các vật tư như lõi lọc bụi theo đúng hướng dẫn vận hành.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường ống dẫn khí, các van dẫn khí, quạt hút...trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Tiến hành các biện pháp làm thông thoáng nhà xưởng để tránh gây ảnh hưởng đến công nhân khi sự cố xảy ra.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của công nhân vận hành hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Định kỳ (01 năm/lần) thuê đơn vị bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để đảm bảo xử lý khí thải đạt quy chuẩn cho phép.

* Biện pháp ứng phó sự cố:

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Tạm dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải

Hệ thống xử lý khí thải số 1, số 2 đã đi vào hoạt động và đã được cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 170/GXN-TNMT ngày

17/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang. Do đó, Chủ dự án sẽ tiến hành vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải số 3, số 4.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/07/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống thu gom, xử lý khí thải số 3 và số 4.

2.3. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí tại 02 ống thoát khí thải sau 02 hệ thống xử lý khí thải.

2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*theo nội dung được cấp phép tại Phần A phục lục này*).

2.5. Tần suất lấy mẫu: Giai đoạn vận hành ổn định

STT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Thời gian dự kiến lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải số 3 trước khi thải ra ngoài môi trường	Bụi tổng, CO, SO ₂ , NO _x (Tính theo NO ₂)	Thời gian lấy mẫu 01 ngày/lần trong vòng 3 ngày liên tiếp. Dự kiến như sau:	QCVN 19:2009/BT NMT Cột B
2	Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải số 4 trước khi thải ra ngoài môi trường		+ Lần 1: 10/07/2024 + Lần 2: 11/07/2024 + Lần 3: 12/07/2024	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh: 03 nguồn phát sinh

- Nguồn 1: Tiếng ồn độ rung từ khu vực đặt máy móc thiết bị sản xuất tại xưởng CNC số 01.

- Nguồn 2: Tiếng ồn độ rung từ khu vực đặt máy móc thiết bị sản xuất tại xưởng CNC số 02.

- Nguồn 3: Tiếng ồn độ rung phát sinh từ khu vực đặt máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh: 02 vị trí (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰)

+ Vị trí số 01: Tại khu vực đặt máy móc thiết bị sản xuất tại xưởng CNC số 01. Tọa độ: X= 2350037; Y= 410165.

+ Vị trí số 02: Tại khu vực đặt máy móc thiết bị sản xuất tại xưởng CNC số 02. Tọa độ: X= 2350028; Y= 410343.

+ Vị trí 03: Tại khu vực đặt máy nén khí. Tọa độ: X = 2350132; Y = 410332.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm để giảm ma sát nhằm giảm tiếng ồn sinh ra.
- Các máy móc thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, thay thế nếu phát hiện hỏng hóc.
- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.
- Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ, đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức độ ồn cao.
- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng,...
- Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực ô nhiễm ồn, rung nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho các công nhân. Có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng 1.107 kg/năm.

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	10
2	Các loại dầu động cơ và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	40
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại chứa thành phần nguy hại	18 01 02	40
4	Găng tay, giẻ lau có chứa thành phần nguy hại	18 02 01	130
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa TPNH	18 01 03	500
6	Lõi lọc thải	18 02 01	384
7	Mực in thải	08 02 04	03
Tổng khối lượng			1.107

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên khoảng 385kg/tháng tương đương với khoảng 4.620kg/năm với thành phần gồm: nguyên liệu lõi, hỏng, bìa catton hỏng, túi nilon hỏng, găng tay, giẻ lau không dính thành phần nguy hại,

- Khối lượng phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Bao bì cactong, nilong, khay hỏng, thùng,...	40
2	Nguyên liệu, sản phẩm lõi hỏng, bavia....	160

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
3	Bụi kim loại, mạt kim loại	160
4	Giẻ lau, găng tay thải (không nhiễm thành phần nguy hại),....	25
Tổng khối lượng		385

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 56 kg/ngày tương đương với 1.400 kg/tháng với thành phần chủ yếu là thực phẩm thừa, vỏ hộp cơm, bao bì, chai lọ, túi nilon...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí 05 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy dung tích 60 lít/thùng, bên ngoài có dán mã chất thải nguy hại để lưu chứa riêng biệt từng loại chất thải nguy hại. Sau đó thu gom vào kho chứa chất thải nguy hại của Công ty TNHH Wonjin Vina vào cuối ngày để xử lý.

Công ty TNHH Wonjin Vina chịu trách nhiệm lưu trữ, hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển, xử lý toàn bộ chất thải phát sinh (bao gồm cả các vendor thuê xưởng của Công ty TNHH Wonjin Vina) theo Biên bản thỏa thuận ngày 28/01/2021 của chủ cơ sở, với tần suất: 3 ngày/lần, có thể thay đổi phụ thuộc vào khối lượng phát sinh của đơn vị thuê xưởng.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại của Công ty TNHH Wonjin Vina: 38m², được bố trí phía sau nhà xưởng.

- Kết cấu, cấu tạo của kho: Kho được thiết kế xây gạch xi măng bao quanh, mái tôn, nền láng xi măng, có gờ chống tràn tại cửa ra vào và thiết bị phòng ngừa sự cố, chiều cao công trình 5m, bên ngoài có dán biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

+ Bố trí 02 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 60 lít/thùng đặt trong khu vực nhà xưởng.

Hàng ngày công nhân vệ sinh thu gom toàn bộ chất thải rắn sản xuất của Công ty TNHH H-One Vina về kho chất thải rắn sản xuất của Công ty TNHH Wonjin Vina, được bố trí phía sau nhà xưởng.

Công ty TNHH Wonjin Vina chịu trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (bao gồm cả các vendor thuê nhà xưởng) đi xử lý theo theo Biên bản thỏa thuận ngày 28/01/2021 của chủ cơ sở, với tần suất khoảng 2-3 ngày/lần.

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa

- Kho chứa chất thải rắn sản xuất của Công ty TNHH Wonjin Vina có diện tích 39m², bố trí phía sau nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Được xây dựng khép kín, tường bao quanh xung quanh, mái tôn, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định, chiều cao công trình 5m.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 06 thùng rác bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 60 lít/thùng đặt trong nhà xưởng, nhà ăn văn phòng; 02 thùng rác có nắp đậy, dung tích 01m³/thùng để lưu chứa tạm thời chất thải sinh hoạt phát sinh.

- Hàng ngày, nhân viên vệ sinh của Công ty TNHH H-one Vina sẽ tiến hành thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm phát sinh về kho chất thải sinh hoạt của Công ty TNHH Wonjin Vina, bố trí phía sau nhà xưởng.

Công ty TNHH Wonjin Vina chịu trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt (bao gồm cả các vendor thuê xưởng) đi xử lý theo Biên bản thỏa thuận ngày 28/01/2021 của chủ cơ sở, với tần suất 01 lần/ngày.

2.3.2. Kho /khu vực lưu chứa:

- Công ty sử dụng chung kho chứa chất thải sinh hoạt của Công ty TNHH Wonjin Vina có diện tích 38m², được nằm ở phía sau nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Xây dựng khép kín, tường bao xung quanh, mái tôn, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định, chiều cao công trình 5m.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý khí thải. Chỉ tiếp tục hoạt động sản xuất sau khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH H-One Vina có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.
- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện cơ sở.
- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện cơ sở; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.
- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải để thu gom, xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thải ra ngoài môi trường.
- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.
- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 110/TTr-TNMT ngày 15/3/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án.